TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 28/2021/KDTM-GĐT
Ngày: 02/6/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có: 10/12 thành viên tham gia xét xử, do ông Võ Văn Cường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*" giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T

Địa chỉ: Lầu 2, số 387 V, phường 5, Quận C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Công ty F.

Địa chỉ: Số 21, đường số 5, khu dân cư T, xã B, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty T và Công ty F ký kết hợp đồng kinh tế số 10 - HĐKT - 2010 ngày 8/4/2010 để thỏa thuận về việc Công ty F thực hiện việc ép cọc đại trà cho công trình Chung cư 4s tại phường L, quận T, Thành phố H. Các bên đã thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 28/4/2011 Công ty T còn nợ số tiền thi công là 3.447.560.924 đồng.

Ngày 28/10/2010, hai bên còn ký phụ lục hợp đồng có nội dung Công ty F có trách nhiệm trả cho Công ty T khoản tiền cẩu cừ trung chuyển để Công ty F thi công ép cọc. Theo giấy xác nhận công nợ ngày 28/4/2010 thì Công ty F phải trả lại

cho Công ty T số tiền 870.227.500 đồng (hiện đã trả 202.800.000 đồng), số tiền trên được Công ty F thanh toán khi Công ty T thanh toán đủ số tiền thi công còn thiếu nêu trên hoặc thanh toán tương ứng với tỷ lệ mà Công ty F nhận được từ Công ty T theo kế hoạch công ty đề ra.

Tính tới ngày 12/8/2015, Công ty T đã thanh toán đủ số tiền thi công còn thiếu cho Công ty F, tương ứng với 95% giá trị hợp đồng nhưng Công ty F chưa thanh toán số tiền cẩu cừ trung chuyển còn thiếu cho Công ty T. Công ty T yêu cầu Công ty F thanh toán số tiền còn lại là 623.963.623 đồng. Công ty T không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty F.

Bị đơn Công ty F trình bày như sau:

Công ty có ký kết hợp đồng và các biên bản thỏa thuận như nguyên đơn trình bày. Hiện Công ty T chưa thanh toán xong 95% giá trị hợp đồng nên Công ty không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; đồng thời Công ty phản tố yêu cầu Công ty T thanh toán 5% phí bảo hành là 385.315.364 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2016/KDTM-ST ngày 05/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty F trả cho Công ty T số tiền là 623.963.623 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty F về việc buộc Công ty T phải thanh toán 5% phí bảo hành theo hợp đồng kinh tế số 10-HĐKT-2010 ngày 08/4/2010 với số tiền là 385.315.364 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu ba trăm mười lăm nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2015/QĐ-BPKCTT ngày 12/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 16/2/2016, Công ty F kháng cáo; ngày 19/12/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 01/QĐKNPT-PT kháng nghị bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 499/2017/KDTM-PT ngày 30/5/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị số 01/QĐKNPT-KDTM ngày 19/12/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty F, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí.

Ngày 26/6/2017, Công ty F có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 16/2020/KN-KDTM ngày 24/4/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm, về phần đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty F về việc buộc Công ty T phải thanh toán 5% phí bảo hành theo hợp đồng kinh tế số 10-HĐKT-2010 ngày 08/4/2010 với số tiền là 385.315.364 đồng. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán hủy một phần bản án phúc thẩm, một phần bản án sơ thẩm về phần đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty F về việc buộc Công ty T phải thanh toán 5% phí bảo hành theo hợp đồng kinh tế số 10-HĐKT-2010 ngày 08/4/2010 với số tiền là 385.315.364 đồng

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty T và Công ty F ký kết hợp đồng kinh tế số 10 - HĐKT - 2010 ngày 08/4/2010 để thỏa thuận về việc Công ty F thực hiện việc ép cọc đại trà cho công trình Chung cư 4s tại phường L, quận T, Thành phố H do Công ty T là chủ đầu tư. Ngày 28/7/2020, hai bên ký phụ lục hợp đồng về việc Công ty F giao việc cẩu cừ trung chuyển cho Công ty T thực hiện, mỗi 1m cọc ép, Công ty F trả lại cho Công ty T khoản tiền trung chuyển là 2.500 đồng. Theo đó, các bên đã thực hiện hợp đồng, tại giấy xác nhận thanh toán ngày 28/4/2011, hai bên xác định: Công ty T còn thiếu tiền thi công công trình của Công ty F là 3.447.560.924 đồng; Tại văn bản đề ngày 28/4/2011, Công ty F xác định còn nợ Công ty T số tiền 623.963.625 đồng. Công ty F cam kết sẽ thanh toán số tiền 623.963.625 đồng sau khi Công ty T thanh toán đủ số tiền thi công còn thiếu là 3.447.560.924 đồng hoặc thanh toán tương ứng với tỷ lệ mà Công ty F nhận được từ Công ty T theo kế hoạch Công ty T đề ra.

[2] Năm 2011, Công ty F khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền 3.447.560.924 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty T đã thanh toán được 450.000.000 đồng, còn lại 2.997.560.924 đồng. Công ty T đồng ý trả tiền trong thời

hạn 12 tháng. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2011/KDTM-ST ngày 27/9/2011, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo, tại Quyết định số 51/2012/QĐ-PT ngày 18/01/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ xét xử phúc thẩm do người kháng cáo được triệu tập hợp lệ hai lần không có mặt tại phiên tòa. Thi hành bản án nêu trên, đến năm 2015, Công ty T đã thanh toán cho Công ty F đủ số tiền thi công còn thiếu tương ứng với 95% giá trị hợp đồng. Điều này được hai bên xác nhận tại Biên bản hòa giải ngày 12/9/2016 (BL: 199). Căn cứ văn bản ngày 28/4/2011 của Công ty F nêu trên thì Công ty F phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T khoản tiền trung chuyển còn lại là 623.963.625 đồng sau khi Công ty T thanh toán xong tiền thi công công trình. Như vậy, ngày 25/5/2015 Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty F trả số tiền 623.963.625 đồng là còn thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng kinh tế số 10.

[3] Đối với số tiền bảo hành công trình thì từ năm 2011 đến năm 2015 các bên không có tranh chấp. Tại Điều 6, Hợp đồng kinh tế số 10 quy định "*Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị quyết toán*" "*Bên A giữ lại 5% bảo hành công trình trên giá trị quyết toán trong thời hạn 6 tháng*". Ngày 28/4/2011, hai bên xác nhận Công ty F đã thi công hoàn thành 100% nội dung công việc, xác nhận số tiền phải thanh toán 95% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là 7.320.991.899 đồng. Như vậy, thời điểm bảo hành công trình bắt đầu từ ngày 28/4/2011, thời hạn bảo hành là 6 tháng. Theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ, thì nhà thầu thi công có trách nhiệm trích lại 1 khoản phí để bảo hành công trình, hết thời hạn bảo hành công trình (nếu không phát sinh các vấn đề về trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà thầu đối với công trình) thì phí bảo hành công trình được hoàn trả lại cho nhà thầu thi công. Ngày 25/5/2015, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty F trả số tiền 623.963.625 đồng phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 10. Ngày 11/6/2016, Công ty F có yêu cầu thanh toán tiền bảo hành cũng phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 10. Mặt khác, tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 30/7/2015, Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 22/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, đại diện của Công ty T thừa nhận còn nợ Công ty F 5% giá trị bảo hành công trình, đồng ý hạch toán hết 5% phí bảo hành theo hợp đồng (BL:121, 122). Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty F trả cho Công ty Công ty T số tiền 623.963.625 đồng là có căn cứ. Nhưng Tòa án hai cấp lại không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vì cho rằng hết thời hiệu khởi kiện trong khi

hai yêu cầu này đều phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 10 - HĐKT - 2010 ngày 08/4/2010 là không đúng.

[4] Do đó, cần thiết phải hủy bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm và bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm về giải quyết số tiền 5% phí bảo hành công trình trong vụ án này mới đảm bảo quyền lợi cho Công ty F.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 16/2020/KN-KDTM ngày 24/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 499/2017/KDTM-PT ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phồ Hồ Chí Minh và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2016/KDTM-ST ngày 05/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, về phần đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty F về việc buộc Công ty T phải thanh toán 5% phí bảo hành theo hợp đồng kinh tế số 10-HĐKT-2010 ngày 08/4/2010 với số tiền là 385.315.364 đồng, trong vụ án "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*" giữa nguyên đơn là Công ty T với bị đơn là Công ty F; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại phần bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giữ nguyên các quyết định khác của Bản án dân sự phúc thẩm số 499/2017/KDTM-PT ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phồ Hồ Chí Minh.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Chánh án TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS. (NL).

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Cường